

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13-5-2020
V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Được;
2. Ông Võ Lâm Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2020/QĐXX-ST ngày 30 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Thanh H, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp LQ2, xã LDB, huyện CM, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp LQ2, xã LDB, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh H trình bày: Bà và ông Trần Văn T cưới nhau vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới đến năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã LDB hôn nhân do tự tìm hiểu và được cha mẹ đồng ý. Quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng không tôn trọng nhau thường xảy ra bất hòa được cha mẹ hàn gắn vợ chồng chung sống lại đến cuối năm 2018 thì vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn trầm trọng và ly thân cho đến nay. Bà xác định tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Huỳnh Thanh C, sinh ngày 28/11/2006 và Trần Phúc T, sinh ngày 31/10/2009 hiện đang sống với cha. Sau khi ly hôn bà Hương đồng ý để chồng được tiếp tục nuôi 02 con chung; về tài sản chung: không có; về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Văn T không gửi cho Tòa án ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Huỳnh Thị Thanh H khởi kiện ly hôn với ông Trần Văn T. Ông Trần Văn T có nơi cư trú ấp LQ2, xã LDB, huyện CM, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Thanh H và ông Trần Văn T là hợp pháp vì ông bà có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà không được hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, không tôn trọng nhau, thường xảy ra bất hòa. Trong quá trình giải quyết ông Trần Văn T không gửi ý kiến cho Tòa án và vắng mặt tại các phiên hòa giải. Xét thấy, bà Hương yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành; trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà không được hạnh phúc đến nay là một khoảng thời gian dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Thanh H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà Huỳnh Thị Thanh H xác định vợ chồng có 02 con chung tên Trần Huỳnh Thanh C và Trần Phúc T hiện nay đang sống với cha; khi ly hôn bà Hương đồng ý để ông Tèo tiếp tục nuôi 02 con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hương không tranh chấp với ông Tèo việc nuôi 02 con chung. Xét thấy từ lúc vợ chồng ly thân đến nay ông Tèo là người trực tiếp nuôi con chung nên tình cảm, tâm tư gắn liền với người nuôi dưỡng. Đó đó cần để ông Trần Văn T tiếp tục nuôi 02 con chung là phù hợp với Điều 81 luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[2.4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thanh H và xử như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Thanh H ly hôn với ông Trần Văn T. Giấy chứng nhận kết hôn số 53 do Ủy ban nhân dân xã LDB, huyện CM, tỉnh An Giang cấp ngày 21/3/2006 không còn giá trị pháp lý.

Về quan hệ con chung: Ông Trần Văn T được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Huỳnh Thanh C, sinh ngày 28/11/2006 và Trần Phúc T, sinh ngày 31/10/2009. Bà Huỳnh Thị Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Huỳnh Thị Thanh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

Về nợ chung: Ghi nhận bà Huỳnh Thị Thanh H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông, bà trong thời kỳ hôn nhân thì bà Huỳnh Thị Thanh H và ông Trần Văn T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thanh H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008002 ngày 07/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh An Giang. Bà Huỳnh Thị Thanh H đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. CM;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. CM;
- UBND xã LDB , huyện CM, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Dương

